

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Thời điểm ngày 13/5/2025)

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
A. NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỔNG: 05 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 331 NGÀY 18/02/2025 CỦA UBND TỈNH				
I	I	Cơ sở giáo dục khác		
1	1	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QĐ 331	DVC trực tuyến một phần
2	2	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	QĐ 331	DVC trực tuyến một phần
3	3	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QĐ 331	
4	4	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QĐ 331	
5	5	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	QĐ 331	
B. CÔNG AN TỔNG: 08 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 5548/QĐ-BCA-C06 NGÀY 06/7/2021 CỦA BỘ CÔNG AN 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3191 NGÀY 10/5/2022 CỦA BỘ CÔNG AN 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 690/QĐ-UBND NGÀY 03/4/2025 CỦA UBND TỈNH HÀ TĨNH				
II	I.	Đăng ký, quản lý cư trú		
6	1	Đăng ký thường trú	QĐ 5548	
7	2	Thông báo lưu trú	QĐ 5548	
8	3	Đăng ký tạm trú	QĐ 5548	
9	4	Khai báo tạm vắng	QĐ 5548	
10	5	Xác nhận thông tin về cư trú	QĐ 5548	
11	6	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	QĐ 690	
12	7	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	QĐ 690	
III	II	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ		
13	1	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QĐ 3191	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
14	2	Đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) lần đầu tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QĐ 3191	
15	3	Đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QĐ 3191	
C. CÔNG THƯƠNG TỔNG: 01 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2017/UBND NGÀY 21/8/2024 CỦA UBND TỈNH				
IV	I	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
16	1	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QĐ 2017	DVC TT một phần
D. NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TỔNG: 15 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2444 NGÀY 22/07/2019 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2708 NGÀY 12/08/2019 CỦA UBND TỈNH 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2707 NGÀY 12/08/2019 CỦA UBND TỈNH 4. QUYẾT ĐỊNH SỐ 264/UBND NGÀY 20/01/2020 CỦA UBND TỈNH				
V	I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (15 TTHC)		
17	1	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
18	2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
19	3	Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
20	4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QĐ 2707	DVC TT một phần
21	5	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
22	6	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2444	
23	7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QĐ 2707	DVC TT một phần

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
24	8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
25	9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
26	10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QĐ 2707	DVC TT một phần
27	11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05	QĐ 2708	DVC TT Toàn trình
28	12	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2444	DVC TT một phần
29	13	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QĐ 264	
30	14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
31	15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG: 04 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 67 NGÀY 08/01/2020 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2771 NGÀY 03/12/2024				
VI	I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác (03 TTHC)		
32	1	Thông báo thành lập Tổ hợp tác	QĐ 67	
33	2	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	QĐ 67	
34	3	Thông báo thay đổi Tổ hợp tác	QĐ 67	
35	4	Hỗ trợ Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ 2771	
F. NGÀNH Y TẾ TỔNG: 13 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 713/QĐ-UBND NGÀY 05/4/2025 CỦA UBND TỈNH;				
VII	I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (13 TTHC)		

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
36	1	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QĐ 713	DVC TT Toàn trình
37	2	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QĐ 713	Liên thông
38	3	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 713	DVC TT Toàn trình
39	4	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 713	Liên thông
40	5	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 713	Liên thông
41	6	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QĐ 713	Liên thông
42	7	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QĐ 713	DVC TT một phần
43	8	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QĐ 713	Liên thông
44	9	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QĐ 713	Liên thông
45	10	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QĐ 713	Liên thông
46	11	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 713	Liên thông
47	12	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 713	DVC TT một phần
48	13	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QĐ 713	Liên thông
G. NGÀNH NỘI VỤ TỔNG: 37 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 2128 NGÀY 08/07/2020 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 721 NGÀY 09/4/2025 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH 843/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 CỦA UBND TỈNH; 4. QUYẾT ĐỊNH 946/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 CỦA UBND TỈNH;				
VII	II	Lao động(01 TTHC)		
49	1	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19	QĐ 2128	DVC TT một phần
VIII	III	Lĩnh vực Người có công (20 TTHC)		

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
50	1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QĐ 843	DVC TT Toàn trình
51	2	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QĐ 843	Liên thông
52	3	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QĐ 843	Liên thông
53	4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QĐ 843	Liên thông
54	5	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QĐ 843	Liên thông
55	6	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QĐ 843	Liên thông
56	7	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Nội vụ quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QĐ 843	Liên thông
57	8	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QĐ 843	Liên thông
58	9	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 843	Liên thông
59	10	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 843	Liên thông
60	11	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, Đày	QĐ 843	Liên thông
61	12	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QĐ 843	Liên thông
62	13	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QĐ 843	Liên thông
63	14	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QĐ 843	Liên thông
64	15	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QĐ 843	Liên thông
65	16	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QĐ 843	Liên thông
66	17	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ 843	Liên thông
67	18	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ 843	Liên thông

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
68	19	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QĐ 843	Liên thông
69	20	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp	QĐ 843	Liên thông
IX	V	Lĩnh vực Việc làm (01 TTHC)		
70	1	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19	QĐ 2128	
X	I	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (05 TTHC)		
71	1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng	QĐ 946	
72	2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề	QĐ 946	
73	3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	QĐ 946	
74	4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình	QĐ 946	
75	5	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QĐ 946	
XI	II	Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)		
76	1	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
77	2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
78	3	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
79	4	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
80	5	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
81	6	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
82	7	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
83	8	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
84	9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
85	10	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
H. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỔNG: 13 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 3149 NGÀY 23/09/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH 3157 NGÀY 21/09/2020 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2111/QĐ-UBND NGÀY 05/9/2023; 4. QUYẾT ĐỊNH 2567 NGÀY 06/10/2023 CỦA UBND TỈNH; 5. QUYẾT ĐỊNH 2302 NGÀY 03/10/2024 CỦA UBND TỈNH; 6. QUYẾT ĐỊNH SỐ 411 NGÀY 27/02/2025 CỦA UBND TỈNH; 7. QUYẾT ĐỊNH SỐ 699 NGÀY 04/4/2025 CỦA UBND TỈNH.				
XII	I	Lĩnh vực Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (5 TTHC)		
86	1	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QĐ 699	Dịch vụ CCTT trực tuyến
87	2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QĐ 699	
88	3	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QĐ 699	Dịch vụ CCTT trực tuyến
89	4	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QĐ 699	
XIII	II	Lĩnh vực Thủy lợi(03 TTHC)		
90	1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QĐ 699	
91	2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 699	
92	3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 699	
XIV	III	Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)		
93	1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	QĐ 2302	
XV	IV	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC)		
94	1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 3157	
95	2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	QĐ 3149	
XVI	V	Môi trường		

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
96	1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QĐ 699	
XVII	VI	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học		
97	1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 699	
XVIII	VII	Kiểm lâm (01 TTHC)		
98	1	Quyết định giao rừng cho tổ chức	QĐ 699	
XIX	VIII	Giảm nghèo		
99	1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QĐ 699	
100	2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QĐ 699	
101	3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QĐ 699	
102	4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QĐ 699	
I. NGÀNH TƯ PHÁP TỔNG: 44 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2407 NGÀY 18/07/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3509/QĐ-UBND NGÀY 30/8/2021 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 300/QĐ-UBND NGÀY 13/02/2025 CỦA UBND TỈNH				
XX	I	Lĩnh vực Chứng thực(11 TTHC)		
103	1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
104	2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
105	3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
106	4	Sửa lỗi, sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
107	5	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
108	6	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
109	7	Chứng thực di chúc	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
110	8	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
111	9	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
112	10	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 300	DVC TT toàn trình
113	11	Cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
XXI	II	Lĩnh vực Hộ tịch (24 TTHC)		
114	1	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần
115	2	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần
116	3	Thủ tục đăng ký khai sinh	QĐ 300	DVC TT toàn trình
117	4	Thủ tục đăng ký kết hôn	QĐ 300	DVC TT một phần
118	5	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ 300	DVC TT toàn trình
119	6	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QĐ 300	DVC TT một phần
120	7	Thủ tục đăng ký khai tử	QĐ 300	DVC TT toàn trình
121	8	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QĐ 300	DVC TT toàn trình
122	9	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QĐ 300	DVC TT một phần
123	10	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QĐ 300	DVC TT toàn trình
124	11	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT một phần
125	12	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT một phần

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
126	13	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT một phần
127	14	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT toàn trình
128	15	Thủ tục đăng ký giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần
129	16	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần
130	17	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QĐ 300	DVC TT một phần
131	18	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QĐ 300	DVC TT một phần
132	19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QĐ 300	DVC TT một phần
133	20	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QĐ 300	DVC TT một phần
134	21	Đăng ký lại khai tử	QĐ 300	DVC TT toàn trình
135	22	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QĐ 300	DVC TT một phần
136	23	Thủ tục Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
137	24	Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến	QĐ 300	DVC TT một phần
XXII	III	Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC)		
138	1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 2407	DVC TT một phần
139	2	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QĐ 2407	DVC TT một phần
140	3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 2407	DVC TT một phần
XXIII	IV	Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục Pháp luật (06 TTHC)		

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
141	1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
142	2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
143	3	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
144	4	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
145	5	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
146	6	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
K. NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG: 07 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3614 NGÀY 04/11/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2933 NGÀY 10/11/2013 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 992 NGÀY 15/04/2024 CỦA UBND TỈNH; 4. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1989 NGÀY 16/08/2024 CỦA UBND TỈNH HÀ TĨNH				
XXIV	I	Lĩnh vực Gia đình (02 TTHC)		
147	1	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QĐ 992	
148	2	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	QĐ 992	
XXV	II	Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)		
149	1	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ 1989	
150	2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ 1989	DVC TT một phần
151	3	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QĐ 2933	DVC TT một phần
XXVI	IV	Văn hóa (01 TTHC)		
152	1	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QĐ 3614	DVC TT toàn trình
XXVII	V	Thể dục thể thao (01 TTHC)		
153	1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QĐ 3614	DVC TT toàn trình
L. NGÀNH THANH TRA TỔNG: 08 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 23 NGÀY 05/01/2023 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 247 NGÀY 23/3/2024 CỦA UBND TỈNH				
XXVIII	I	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (04 TTHC)		

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
154	1	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QĐ 23	
155	2	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QĐ 23	
156	3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QĐ 23	
157	4	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QĐ 23	
XXIX	II	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại (01 TTHC)		
158	1	Giải quyết khiếu nại lần đầu UBND cấp xã	QĐ 247	
XXX	III	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo (01 TTHC)		
159	1	Giải quyết tố cáo tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXXI	IV	Lĩnh vực Tiếp công dân (01 TTHC)		
160	1	Tiếp công dân tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXXII	V	Lĩnh vực Xử lý đơn (01 TTHC)		
161	1	Xử lý đơn tại UBND cấp xã	QĐ 247	
M. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔNG: 41 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2379/QĐ-UBND NGÀY 10/12/2019 CỦA UBND TỈNH (03 TTHC); 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2180/QĐ-UBND NGÀY 12/09/2024 CỦA UBND TỈNH (22 TTHC); 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2781/QĐ-UBND NGÀY 04/12/2024 CỦA UBND TỈNH (16 TTHC).				
XXXIII	I	Lĩnh vực Đất đai (39 TTHC)		
162	1	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã	QĐ 2379	
163	2	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.	QĐ 2781	Liên thông
164	3	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QĐ 2781	Liên thông
165	4	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QĐ 2781	Liên thông
166	5	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.	QĐ 2781	Liên thông
167	6	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
168	7	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QĐ 2781	Liên thông

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
169	8	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
170	9	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
171	10	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
172	11	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
173	12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
174	13	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở.	QĐ 2781	Liên thông
175	14	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QĐ 2781	
176	15	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QĐ 2781	
177	16	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QĐ 2781	
178	17	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	QĐ 2781	
179	18	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	QĐ 2180	Liên thông
180	19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	QĐ 2180	Liên thông
181	20	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QĐ 2180	Liên thông

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
182	21	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	QĐ 2180	Liên thông
183	22	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích đất do sạt lở tự nhiên	QĐ 2180	Liên thông
184	23	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	QĐ 2180	Liên thông
185	24	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm; bán tài sản; chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QĐ 2180	Liên thông
186	25	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	QĐ 2180	Liên thông
187	26	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QĐ 2180	Liên thông
188	27	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014.	QĐ 2180	Liên thông
189	28	Đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2180	Liên thông
190	29	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận	QĐ 2180	Liên thông
191	30	Cấp đổi giấy chứng nhận	QĐ 2180	Liên thông
192	31	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QĐ 2180	Liên thông
193	32	Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất	QĐ 2180	Liên thông
194	33	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2180	Liên thông
195	34	Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QĐ 2180	Liên thông

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
196	35	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QĐ 2180	Liên thông
197	36	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	QĐ 2180	Liên thông
198	37	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	QĐ 2180	Liên thông
199	38	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	QĐ 2180	Liên thông
200	39	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp cho tặng quyền sử dụng đất cho nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QĐ 2180	Liên thông
XXXIV	II	Lĩnh vực Môi trường (02 TTHC)		
201	1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 2379	
202	2	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QĐ 2379	
N. NGÀNH QUỐC PHÒNG TỔNG: 21 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 1291 NGÀY 07/10/2019 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; 2. QĐ 3648 NGÀY 04/09/2018 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG; 3. QĐ 1917 NGÀY 15/05/2019 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG, 4. QĐ 4576/QĐ-BQP ngày 06/11/2022 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG.				
XXXV	I	Lĩnh vực Động viên quân đội (02 TTHC)		
203	1	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	
204	2	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	
XXXVI	II	Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)		
205	1	Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	QĐ 1291	
XXXVII	III	Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 TTHC)		
206	1	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	QĐ 1291	
207	2	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	QĐ 1291	
XXXVIII	IV	Lĩnh vực Nghĩa vụ Quân sự (07 TTHC)		
208	1	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự lần đầu	QĐ 1291	
209	2	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	QĐ 1291	
210	3	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự bổ sung	QĐ 1291	
211	4	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
212	5	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyên đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	
213	6	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự tạm vắng	QĐ 1291	
214	7	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	QĐ 1291	
XXXIX	V	Lĩnh vực Chính sách (09 TTHC)		
215	1	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1291	
216	2	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	QĐ 1291	
217	3	Giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp Giấy chứng nhận đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân trong nước kê khai, nhận chế độ	QĐ 3648	
218	4	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	QĐ 1917	
219	5	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1917	
220	6	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	QĐ 1917	
221	7	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	QĐ 1917	
222	8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QĐ 4576	
223	9	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	QĐ 4576	
Tổng cộng: Có 12 Ngành; 39 Lĩnh vực; 223 Thủ tục hành chính				

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ